

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST
Ngày: 21-9-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản; thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Pháp
2. Ông Trần Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp BS, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang (SĐT: 0399.80.33.68)

- Bị đơn:

+ Bà Trương Thị C, sinh năm 1951

+ Các đồng thừa kế của ông Lê Trung H, sinh năm 1945 (chết) gồm: Trương Thị C, sinh năm 1951; Lê Trung Nh, sinh năm: Không rõ; Lê Thị Th (Lê Kim Th), sinh năm 1976; Lê Thanh Ph, sinh năm 1973; Lê Thị Thẩm E, sinh năm 1979; Lê Thị Mộng T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp TB, xã TG, huyện ThS, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1976

+ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1998

+ Ông Đào Lê H, sinh năm 2005

Cùng địa chỉ: Ấp TB, xã TG, huyện ThS, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T, bà T, bà Th có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, lời khai của của nguyên đơn; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/9/2017, bà Trần Thị T cho bà Trương Thị C và ông Lê Trung H (chết) vay số tiền 170.000.000 đồng, khi vay có thể chấp 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 200346 (H00607mH) do UBND huyện Thoại Sơn cấp ngày 18/02/2008 cho bà Trương Thị C và ông Lê Trung Hữu; thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, diện tích 1764,2m², đất tọa lạc tại xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, hai bên không lập hợp đồng vay nhưng có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/9/2017, hợp đồng có công chứng, thể hiện số tiền vay 170.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng (từ ngày 05/9/2017 đến 05/02/2018), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, phương thức trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, nợ gốc trả 01 lần vào ngày 05/02/2018. Từ khi vay đến khoảng tháng 4/2021 thì bà C có đóng lãi nhưng không đầy đủ, từ tháng 4/2021 đến nay thì ngưng không đóng lãi và cũng không trả tiền vốn gốc, số tiền lãi mà bà T đã nhận được tổng cộng là 61.000.000 đồng. Do ông Lê Trung H đã chết nên bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị C và các thừa kế của ông Lê Trung H gồm: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Kim T, Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T có trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Bị đơn là bà Lê Thị Mộng T, Lê Kim T trình bày: Cha mẹ bà là Trương Thị C và Lê Trung H có vay của bà Trần Thị T số tiền 170.000.000 đồng, khi vay có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha mẹ đứng tên. Sau khi vay có đóng lãi đầy đủ cho bà T, cụ thể: đóng mỗi tháng 4.500.000 đồng được khoảng 03 năm thì xin giảm xuống còn 3.000.000, đóng đến khoảng tháng 7/2021 thì do dịch bệnh nên không còn khả năng đóng lãi nữa nên ngưng đến nay. Nay bà T khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ gốc 170.000.000 đồng thì các bà đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ và xin không tiếp tục tính lãi.

Các bị đơn: Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị Thắm E và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thúy L, Lê Thanh T, Đào Lê H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T yêu cầu các ông, bà: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Kim T, Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và 170.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến tháng 4/2021 theo mức lãi suất 3%/tháng; từ tháng 4/2021 đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất do pháp luật quy

định; yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/9/2017 giữa bà với ông Lê Trung Hữu, bà Trương Thị C để đảm bảo thi hành án.

Bà Lê Thị Mộng T, Lê Kim T thống nhất trả tiền nợ gốc cho bà Trần Thị T 170.000.000 đồng nhưng xin trả dần 3.000.000 đồng mỗi tháng đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

Bị đơn: Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị Thắm E và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thúy L, Lê Thanh T, Đào Lê H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Các ông, bà: Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị Thắm E, Nguyễn Thị Thúy L, Lê Thanh T, Đào Lê H vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị T; buộc bị đơn là bà Trương Thị C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Trung H gồm Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Kim T, Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T liên đới trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 109.000.000 đồng, tổng cộng 279.000.000 đồng; Tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/9/2022 giữa bà Trần Thị T với ông Lê Trung H, bà Trương Thị C vô hiệu, bà T có trách nhiệm trả cho Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Kim T, Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 200346 (sổ vào sổ H00607mH) do UBND huyện Thoại Sơn cấp ngày 18/02/2008 cho ông Lê Trung H, bà Trương Thị C.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Trung H (chết) gồm: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Kim T, Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T trả tiền vay của ông H (chết) và bà C, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú: Ấp TB, xã TG, huyện ThS, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ

án dân sự và giải quyết là đúng quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị Thắm E và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thúy L, Lê Thanh T, Đào Lê H vắng mặt không lý do; đồng thời, các đương sự trên đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) ngày 05/9/2017 có thể hiện nội dung bà Trương Thị C và ông Lê Trung H có vay của bà Trần Thị T số tiền 170.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2018 ông Lê Trung H chết Theo Giấy chứng tử số 32/2018 ngày 05/6/2018 của UBND xã Thoại Giang nên xác định thời điểm mở thừa kế của ông Lê Trung Hữu là ngày 05/6/2018 theo quy định tại khoản 1 Điều 611 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Hữu chết không để lại di chúc, di sản để lại là diện tích 1764,2m² loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Thoại Sơn cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AK 200346 (H00607mH) ngày 18/02/2008 cho ông và bà Trương Thị C. Diện tích đất này đã được thế chấp cho bà Trần Thị T theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ ngày 05/9/2017 có chứng thực tại Văn phòng công chứng Thoại Sơn, tỉnh An Giang, bà Trần Thị T đang giữ bản C Giấy chứng nhận QSDĐ.

Căn cứ Tờ cam kết không bỏ sót hàng thừa kế thứ nhất ngày 13/01/2022 do bà Trần Thị T cung cấp thể hiện hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Trung H gồm: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị T, Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Mộng T là con của ông Lê Trung H, bà Trương Thị C thừa nhận trước đây cha mẹ có vay của bà T số tiền 170.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán, các đương sự còn lại vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến thừa nhận hay phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Trung H gồm: Trương Thị C, Lê Trung N, ông Lê Thanh P, bà Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng là có cơ sở.

Về phương thức trả: Bà Lê Kim T, Lê Thị Mộng T đề nghị trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng không được bà Trần Thị T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Về lãi suất: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi theo quy định. Thấy rằng, các bên thừa nhận khi vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng (tương đương 36%/năm) là vượt quá quy định, bà T yêu cầu tính lãi 3%/tháng từ ngày 05/9/2017 đến tháng 4/2021 là không có cơ sở chấp nhận; lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm.

Thời gian tính lãi từ ngày vay (05/9/2017) đến khi Tòa án xét xử (21/9/2022) là 5 năm, 17 ngày, bà T tự nguyện tính tròn 5 năm là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

$$170.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 5 \text{ năm} = 170.000.000 \text{ đồng}$$

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T thừa nhận đã nhận lãi với số tiền 61.000.000 đồng, số tiền này được căn trừ vào số tiền lãi mà bị đơn phải chịu. Như vậy, tiền lãi còn lại bị đơn phải có trách nhiệm trả là:

$$170.000.000 \text{ đồng} - 61.000.000 \text{ đồng} = 109.000.000 \text{ đồng}$$

Bà Trương Thị C có trách nhiệm liên đới với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Trung Hữu gồm: Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T trả cho bà Trần Thị T số tiền vốn gốc 170.000.000 đồng và tiền lãi 109.000.000 đồng, tổng cộng là 279.000.000 đồng.

Các ông, bà: Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản của ông Lê Trung Hữu (chết) để lại.

[2.2] Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Hợp đồng thế chấp thể hiện dưới hình thức văn bản, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Thoại Sơn, tỉnh An Giang nhưng không đăng ký thế chấp.

Căn cứ Điều 319 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Việc thế chấp tài sản phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng C. Trong trường hợp pháp luật có quy định thì văn bản thế chấp phải được công chứng, chứng thực hoặc đăng ký”.

Điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của C phủ về Giao dịch bảo đảm quy định thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký giao dịch bảo đảm; Điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của C phủ về Giao dịch bảo đảm quy định giao dịch bảo đảm đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 05/9/2017 giữa bà Trần Thị T với bà Trương Thị C và ông Lê Trung Hữu mặc dù có công chứng nhưng không thực hiện đăng ký thế chấp là không tuân thủ về hình thức theo quy định. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 117, 122 của Bộ luật Dân sự 2015 thì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là vô hiệu.

Theo khoản 1 Điều 131 Bộ luật dân sự 2015, quy định hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận

Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá bằng tiền để hoàn trả.

... ”

Do hợp đồng thế chấp trên vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự từ thời điểm giao kết. Do đó, bà Trần Thị T yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại bản C Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 200346 (H00607mH) do UBND huyện Thoại Sơn cấp ngày 18/02/2008 cho bà Trương Thị C và ông Lê Trung Hữu (chết) cho các ông, bà: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T khi họ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 117, 122, khoản 1 Điều 131, 319, 463, 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 611, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 147, 157, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc các ông, bà: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền 279.000.000 (Hai trăm bảy mươi chín triệu) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 109.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/9/2017 giữa bà Trần Thị T với bà Trương Thị C, ông Lê Trung H là vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị T trả cho các ông, bà: Trương Thị C, Lê Trung N, Lê Thanh P, Lê Thị T (Lê Kim T), Lê Thị Thắm E, Lê Thị Mộng T bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 200346 (H00607mH) do UBND huyện Thoại Sơn cấp ngày 18/02/2008 cho bà Trương Thị C và ông Lê Trung Hữu khi họ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị T theo bản án đã tuyên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị C, ông Lê Trung N, ông Lê Thanh P, bà Lê Thị T (Lê Kim T), bà Lê Thị Thắm E, bà Lê Thị Mộng T phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Trương Thị C, ông Lê Trung N, ông Lê Thanh P, bà Lê Thị T (Lê Kim T), bà Lê Thị Thắm E, bà Lê Thị Mộng T có trách nhiệm hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền này.

- Về án phí: Bà Trương Thị C, ông Lê Trung N, ông Lê Thanh P, bà Lê Thị T (Lê Kim T), bà Lê Thị Thắm E, bà Lê Thị Mộng T phải chịu 13.950.000 (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Trung N, ông Lê Thanh P, bà Lê Thị T (Lê Kim T), bà Lê Thị Thắm E, bà Lê Thị Mộng T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của ông Lê Trung H (chết) để lại.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do C đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh